

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 12 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **HOÀNG THỊ PHƯƠNG LIÊN** - Ngày tháng năm sinh: **15/10/1973**
- Chức vụ/chức danh công tác: **Phó Bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng**
- Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường Tiểu học Kênh Giang**
- Nơi thường trú: **TDP Chu Vườn, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: **031173001569**
cấp ngày: 21/01/2016. Nơi cấp: Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐỖ VĂN PHƯƠNG**. Ngày tháng năm sinh: **27/08/1969**
- Nghề nghiệp: **Bộ đội**
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: **Đã nghỉ hưu từ tháng 10 năm 2024**
- Nơi thường trú: **Xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: **031069000275**
cấp ngày 23/02/2022 nơi cấp: **Tổng cục cảnh sát quản lý hành chính về TTXH**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

- Không

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: **TDP Chu Vườn, Phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng**
- Diện tích⁽⁹⁾: **80 m²**
- Giá trị: **11.000.000 đồng, mua năm 1996**



- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CH/00055 Lô 83, tờ bản đồ số 5, đường 10, Kênh Giang
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không
- 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không có.
- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không có
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không có
- 2.1. Nhà ở: Không có
- 2.1.1. Nhà thứ nhất: Không có
- Địa chỉ: TDP Chu Vườn, Phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ (3 tầng)
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 180 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.500.000.000 đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CH/005
- Thông tin khác (nếu có): Không
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không có
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có
- 6.1. Cổ phiếu: Không có
- 6.2. Trái phiếu: Không có
- 6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có



6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Ô tô: Số đăng ký: 15A 577.96 Giá trị: 500.000.000 đồng.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Không có

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 487.148.193 đồng/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 171.480.000 đồng/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: 658.628.193

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác	Không		
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	Không		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không		
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	Không		
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:	Không		
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).	Không		
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			

..... ngày tháng ...năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Kênh Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Phương Liên